

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-18

1020
CÔNG TY
NAM AN
SÀI GÒN
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình bày báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công Ty Cổ phần Chứng khoán Nam An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 79/UBCK-GP ngày 18/12/2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Vốn điều lệ 140.000.000.000 VNĐ, Vốn pháp định 135.000.000.000 VNĐ. Thời gian hoạt động vô hạn.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán..

ĐỊA CHỈ CÔNG TY

39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2009 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hồng Văn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Hoàng Trang	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tin Học Sài Gòn (SA).

Số tham chiếu: 011/SA-10

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc****Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng Cân Đối Kế Toán của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An (gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 04 đến trang 07. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn Mục Kiểm Toán Việt Nam. Các chuẩn mục này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã tiến hành việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mục và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán đã được áp dụng, các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tài sản & thực hiện thủ tục xác nhận công nợ vào thời điểm 31/12/2009 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở đơn vị chúng tôi không thể xác định chính xác các khoản mục trên bảng các thủ tục kiểm toán khác. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) nêu trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Luồng Lưu Chuyển Tiền Tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với Chuẩn Mục và Chế Độ Kế Toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Lại Quang Thứ**
Giám Đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0359/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Việt HưngChứng chỉ Kiểm toán viên số
0348/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		78.796.629.852	65.364.443.498
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		40.612.518.128	880.668.959
111	1. Tiền	1	40.612.518.128	880.668.959
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		5.715.500	55.433.759.500
	1. Đầu tư ngắn hạn	4	8.966.145	59.403.198.145
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.250.645)	(3.969.438.645)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	10	37.440.332.519	1.253.864.251
131	1. Phải thu khách hàng		140.832.519	-
132	2. Trả trước cho người bán		92.395.000	768.053.973
135	3. Các khoản phải thu khác		37.207.105.000	485.810.278
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		738.063.705	7.796.150.788
152	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		738.063.705	970.817.366
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	6.825.333.422
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.199.006.694	18.339.089.981
220	II. Tài sản cố định		2.110.108.611	4.103.881.714
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5	1.369.432.611	3.764.801.714
222	- Nguyên giá		3.972.491.170	5.278.070.798
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.603.058.559)	(1.513.269.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	6	740.676.000	176.960.000
228	- Nguyên giá		812.316.000	194.870.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.640.000)	(17.910.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	162.120.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	11.631.620.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	33.249.153.333
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		-	33.249.153.333
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		-	(21.617.533.333)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.088.898.083	2.603.588.267
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	936.024.083	1.872.048.179
268	4. Tài sản dài hạn khác		152.874.000	731.540.088
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		81.995.636.546	83.703.533.479



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B01- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		451.404.693	1.634.230.241
310	I. Nợ ngắn hạn		451.404.693	1.634.320.241
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		33.038.874	245.599.784
313	3. Người mua trả tiền trước		140.832.519	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	4.504.260	34.791.690
315	5. Phải trả người lao động		48.200.000	-
316	6. Chi phí phải trả		-	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	224.829.040	1.353.838.767
330	II. Nợ dài hạn		-	-
333	1. Vay và nợ dài hạn		-	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		81.544.231.853	82.069.303.238
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	81.544.231.853	82.069.303.238
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		140.000.000.000	140.000.000.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(58.455.768.147)	(57.930.696.762)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		81.995.636.546	83.703.533.479

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B01- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký			
	Trong đó:			
007	6.1 Chứng khoán giao dịch			
	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	21.578.897.000
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	35.770.529.000
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	388.690.000
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác			
027	6.5 Chứng khoán chờ thanh toán			
028	Ký			
	6.5.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	240.514
037	6.7 Chứng khoán chờ giao dịch			
039	6.5.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	429.190.000

Kế toán trưởng *lyc*

Nguyễn Thị Tuyết Vân



Tổng Giám đốc

Trần Hồng Văn

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02 – CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.513.910.516	6.944.606.914
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		50.863.999	407.822.346
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán		197.336.875	2.255.989.844
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn			20.000.000
01.9	- Doanh thu khác		1.265.709.642	4.260.794.724
	+ Thu lãi tiền gửi		1.265.709.642	4.130.399.054
	+ Doanh thu quản lý số cổ đông		-	130.395.670
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động Kinh doanh		1.513.910.516	6.944.606.914
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh		1.845.508.885	54.350.294.273
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(331.598.369)	(47.405.687.359)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.659.215.975	10.525.181.169
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.990.814.344)	(57.930.868.528)
31	8. Thu nhập khác		5.748.735.395	171.766
32	9. Chi phí khác		1.282.992.436	-
40	10. Lợi nhuận khác		4.465.742.959	171.766
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(525.071.385)	(57.930.696.762)
51	15. Chi Phí Thuế TNDN hiện hành	13		-
52	16. Chi Phí Thuế TNDN hoãn lại			-
60.	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập		(525.071.385)	(57.930.696.762)

Kế toán trưởng *lye*

mau

Nguyễn Thị Tuyết Vân



Tổng Giám đốc

Trần Hồng Văn

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B03 – CTCK

Đơn vị tính : VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(525.071.385)	(57.930.696.762)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ		1.440.707.912	1.531.179.084
03	- Các khoản dự phòng		-	25.586.971.978
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		4.870.192.969	(4.130.399.054)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.785.829.496	(34.942.944.754)
09	- Tăng giảm các khoản phải thu		30.564.865.204	(12.982.395.818)
11	- Tăng giảm các khoản phải trả		(194.648.340)	1.634.230.241
12	- Tăng giảm chi phí trả trước		(1.168.777.757)	(2.842.865.545)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(50.260.732.780)	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(731.540.088)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.273.464.177)	(49.865.515.964)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(617.446.000)	(5.635.060.798)
22	2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ		404.450.000	
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.180.000)	(358.857.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	271.107.846.667
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	4.130.399.054
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(217.175.990)	(89.253.815.077)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu góp vốn chủ sở hữu		-	140.000.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	3.400.000.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(3.400.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	140.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.490.640.167)	880.668.959
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		56.103.158.295	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		40.612.518.128	880.668.959

Kế toán trưởng 



Nguyễn Thị Tuyết Vân



Tổng Giám đốc


Trần Hồng Văn

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

1. HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Mô giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 95/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán của Bộ Tài Chính.

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán trong năm và nhất quán với các chính sách được sử dụng trong những năm trước.

(ii) Giả định hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích khác.

(e) Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Là toàn bộ các chi phí Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

Web Nam An

Là toàn bộ các chi phí Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa Web vào sử dụng. Web được khấu hao trong 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

(f) Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán theo thị giá tại ngày kết thúc niên độ.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá và các chi phí liên quan trừ đi các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

(g) Các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

(h) Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng các khoản phải trả được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Không thực hiện việc trích trước vào chi phí hàng năm.

(i) Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của năm 2009.

(j) Doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí đi kèm. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế giao dịch đó và được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

(k) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

(l) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành các công trình xây dựng thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các công trình xây dựng này. Chi phí lãi vay được vốn hóa được tính bằng tỉ lệ vốn hóa vào chi phí phát sinh cho các công trình xây dựng dở dang.

(m) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong hệ thống kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
- Tiền mặt tại quỹ	40.258.644.546	77.774.334
- Tiền gửi ngân hàng	353.873.582	802.302.894
TỔNG CỘNG	40.612.518.128	880.668.959

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
a) Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	46.010	1.111.060.000
- Trái phiếu	-	-
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	1.309.979	26.502.952.000
- Trái phiếu	-	-
Cộng	1.355.989	

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị theo sổ kế toán</i>	<i>So với giá thị trường Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị theo giá thị trường</i>
I. Chứng khoán thương mại	177	8.966.145			8.966.145
II. Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-
- CK. Sẵn sàng để bán					
- CK. Nắm đến ngày đáo hạn					
III. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

5. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu kỳ	-	543.502.546	3.428.988.624	3.972.491.170
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	543.502.546	3.428.988.624	3.972.491.170
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu kỳ	-	144.795.873	2.125.629.610	2.270.425.483
- Khấu hao trong kỳ	-	15.047.669	317.585.407	332.633.076
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	159.843.542	2.443.215.017	2.603.058.559
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu kỳ	-	398.706.673	1.303.359.014	1.702.065.687
Số dư cuối kỳ	-	383.659.004	985.773.607	1.369.432.611

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Web Nam An	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	194.870.000	194.870.000
Tăng trong năm	617.446.000	-	617.446.000
Số dư cuối năm	617.446.000	194.870.000	812.316.000
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	-	58.207.509	58.207.509
Khấu hao trong năm	-	13.432.491	13.432.491
Số dư cuối năm	-	71.460.000	71.460.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	136.662.491	136.662.491
Số dư cuối năm	617.446.000	123.230.000	740.676.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	936.024.083	1.872.048.178
<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>936.024.083</u>	<u>1.872.048.178</u>

8. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.504.260	34.791.690
<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>4.504.260</u>	<u>34.791.690</u>

9. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
- Tiền nộp ban đầu	-	-
- Tiền nộp bổ sung	2.806.041	-
- Tiền lãi phân bổ trong năm	-	-
<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>2.806.041</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

Mẫu số B09 - CTCK

10. Các khoản phải thu

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Tổng số	Số cuối kỳ		Số dự phòng đã trả
		Tăng	Giảm		Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	-	140.832.519	-	140.832.519	140.832.519		
5. Phải thu khác	484.371.278	189.745.283.239	(153.022.549.517)	36.722.733.722	37.207.105.000		
6. Phải thu tạm ứng	6.822.333.422	5.609.260.500	(12.431.593.922)	(6.822.333.422)			
Tổng cộng	7.306.704.700	195.495.376.258	(165.454.143.439)	30.041.232.819	37.347.937.519		
Chi tiết khoản phải thu					31/12/2009		

Đơn vị tính: VND

5. Phải thu khác

- Lãi tiền gửi kỳ hạn (chưa đáo hạn) 484.371.278
- Trần Đoàn Anh Tuấn -
- Huỳnh Thị Thanh Giang -
- Huỳnh Thanh Huy -
- Huỳnh Công Minh -
- Vũ Huy Nhân -
- Nguyễn Văn Đức -
- Phan Thị Hóa -

37.347.937.519

- 140.832.519
- 6.813.869.000
- 5.628.377.000
- 6.904.143.000
- 6.378.828.000
- 5.628.377.000
- 5.853.511.000

6. Phải thu tạm ứng cá nhân như sau:

- Lê Minh Tâm 19.418.982
- Đào Thị Hồng Vân 70.879.240
- Ngô Thị Kim Cúc 730.000.00
- Trần Văn Ngọc 5.000.000.000
- Võ Văn Cường 979.600.000
- Các khoản tạm ứng khác 22.435.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>CHỈ TIÊU</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Kinh phí công đoàn	-	7.546.080
- Bảo hiểm xã hội, Y tế	-	84.293.130
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	224.829.040	1.261.999.557
+ Cổ tức Cty CP Bông Sen phải trả nhà đầu tư	42.963.200	201.653.000
+ Nhận tiền mua cổ phiếu Vietcombank của nhà đầu tư NN	-	979.351.007
+ Nhận tiền mua cổ phiếu Eximbank của nhà đầu tư NN	-	68.000.000
+ Cổ tức Vietcombank phải trả nhà đầu tư	-	1.439.000
+ Khác	181.865.840	11.556.550
<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>224.829.040</u>	<u>1.353.838.767</u>

12. Vốn đầu tư chủ sở hữu

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Vốn góp</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Vốn khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm	140.000.000.000	(57.930.696.762)	-	82.069.303.238
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lỗi năm nay	-	(525.071.385)	-	(525.071.385)
Số dư cuối năm nay	140.000.000.000	(58.455.768.147)	-	81.544.231.853

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)


Mẫu số B09 - CTCK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm)

13. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>CHỈ TIÊU</i>	Năm nay	Năm Trước
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(58.455.637.147)	(57.930.696.762)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	131.000	282.046.467
- Tổng thu nhập chịu thuế	(58.455.637.147)	(57.648.650.295)
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	(58.455.637.147)	(57.648.650.295)

Kế toán trưởng 



Nguyễn Thị Tuyết Vân



Tổng Giám đốc 

Trần Hồng Văn

Ngày 31 tháng 03 năm 2010